TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **66**/2022/DS-ST Ngày 16 - 06 - 2022 V/v: "Tranh chấp quyền sở hữu tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Thi;

2. Ông Phan Phước Tân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Chúc Phương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2021/TLST-DS, ngày 05 tháng 7 năm 2021, về việc "Tranh chấp quyền sở hữu tài sản*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 266/2022/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 315/2022/QĐST-DS, ngày 25 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Lý Văn S, sinh năm 1944;

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1940;

Cùng địa chỉ: Tổ 02, ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông Lý Văn và bà Nguyễn Thị D: Ông Đặng Thành Đức, sinh năm 1979; địa chỉ: Khóm Châu Thạnh, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Ông Lý Văn D1 (Lý D1), sinh năm 1950;

Địa chỉ: Khóm V1, phường VN, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện nay: Khóm V, phường CP, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn Ê, sinh năm 1953; Địa chỉ cư trú: Tổ 02, ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. Ông Phạm Hồng C, sinh năm 1953; Địa chỉ cư trú: Tổ 05, ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

3. Ông Dương Văn B, sinh năm 1935; Địa chỉ cư trú: Tổ 02, ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

4. Ông Huỳnh Văn D2, sinh năm 1951; Địa chỉ cư trú: Tổ 02, ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

5. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1962; Địa chỉ: Tổ 02, ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

6. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962; Địa chỉ cư trú: Tổ 16, ấp A, thị trấn AP, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

7. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm, 1955; địa chỉ cư trú: Số nhà X, tổ Y, khóm V, phường CP, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông Đức, ông D1, ông C, ông D2, bà M, bà B có mặt; những người làm chứng còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; trình bày của bị đơn; tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện An phú có chủ trương nạo vét mương Rạch Cây Sây xã Phú Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang nhằm khơi thông nguồn nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp. Chủ đầu tư công trình là Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện An Phú. Trong quá trình thực hiện Công trình, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện An Phú đã thực hiện việc giải phóng mặt bằng, bồi thường đất thu hồi, cây trồng nằm trong vùng quy hoạch Công trình, trong đó có phần cây tranh chấp giữa ông Lý Văn D1 với vợ chồng ông Lý Văn S và bà Nguyễn Thị D. Ông Lý Văn D1 là người đứng tên kê khai toàn bộ số cây được bồi thường.

Theo ông Lý Văn S và bà Nguyễn Thị D, số cây ông D1 kê khai để được bồi thường không phải là của ông D1 trồng, mà do cha ông tên Lý Văn Ngẫu trồng trước năm 1975 và một số cây do ông S, bà D trồng sau năm 1975 trên phần đất của cha ông tên Lý Văn Ngẫu. Do đó, ông S, bà D yêu cầu được nhận toàn bộ giá trị số cây được bồi thường và tiền khen thưởng là 76.352.000 *(B mươi sáu triệu ba trăm năm mươi hai nghìn)* đồng.

Theo ông Lý Văn D1, thì số cây trồng trước năm 1975 là Tre, bạch đàn là do cha ông tên Lý Văn Tào trồng, còn số cây còn lại là do người nhà ông trồng sau này trên phần đất của cha ông tên Lý Văn Tào. Phần đất có cây tranh chấp nằm trong diện tích khoảng 15,6 công có nguồn gốc là của họ tộc do ông nội tên Lý Văn Lương làm chủ. Sau khi cụ Lương chết do người cô tên Lý Thị Tròn làm chủ. Năm 1990 bà Tròn chuyển nhượng lại cho gia đình ông D1. Năm 1994 thì cha ông D1 tên Lý Văn Tào được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nông nghiệp (GCN.QSDĐ số 01258 eL cấp ngày 16/8/1994, diện tích 9.544 m^2 mang tên Lý Văn Tào), còn phần đất thổ cư và vườn tạp chưa được cấp giấy, tromg đó có phần đất có cây tranh chấp cặp Rạch Cây Sây. Do đó ông yêu cầu được nhận toàn bộ số tiền bồi thường còn lại.

Về tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập:

Bảng kê số lượng cây, giá bồi thường; Các biên bản xác minh cùng ngày 28/4/2019 của Ban ấp Phú Mỹ; Biên bản hòa giải tranh chấp ngày 07/5/2019 của Ban ấp Phú Mỹ; Tờ thỏa thuận ngày 25/7/2019 giữa ông S và ông D1; GCN.QSDĐ số 01258 eL cấp ngày 16/8/1994, diện tích 9.544 m^2 mang tên Lý Văn Tào; các biên bản xác minh của ban ấp Phú Mỹ; Tờ tường trình của ông Lý Văn D1; Vi bằng số 03/2021/VB-TPL ngày 22/01/2021 của Văn phòng Thừa phát lại Châu Đốc; Danh sách số cây và tiền bồi thường;

Bản đồ hiện trạng, Sổ Mục kê Công trình Nạo vét mương Rạch Cây Sây của Trung tâm quan trắc thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang; Công văn số 81/PNNPTNT, ngày 24/12/2019 và Công văn số 18/PNNPTNT, ngày 18/02/2022 của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện An Phú.

Theo nội dung Công văn số 81 và Công văn số 18 của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện An Phú thì số cây được bồi thường còn lại mà các đương sự tranh chấp gồm: 29 cây Gáo, 270 cây Tre, 23 cây Bạch đàn có tổng giá trị 65.500.000 đồng; tiền thưởng 2.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền còn lại 67.500.000 đồng hiện do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện An Phú quản lý. Xác định phần đất có cây được bồi thường đang tranh chấp là đất chưa được cấp giấy chứng nhận, thuộc diện Nhà nước quản lý.

Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, ghi lời khai những người làm chứng theo yêu cầu của các đương sự.

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/3/2022 thì phần đất có cây tranh chấp chạy cặp Rạch Cây Sây. Một bên giáp đất ông Lý Văn Tào đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01258eL, ngày 16/8/1994 mang tên Lý Văn Tào; một bên giáp Rạch Cây Sây. Các gốc cây bị chặt hạ đã bị đất nạo vét Rạch Cây Sây lấp kín, chỉ còn lại bụi tre cặp khu mộ họ tộc ông S, ông D1. Phần đất này hiện do em ông D1 là ông Lý Văn Đũa quản lý, sử dụng trồng xoài, cà na...

Theo những người làm chứng, các ông, bà Nguyễn Văn Ê, Dương Văn B, Phạm Hồng C, Huỳnh Văn D2, cho biết: Họ sống gần nhà ông S nên biết rõ việc ông trồng cây. Sau chiến tranh Biên giới Tây Nam trở về, họ có thấy ông S trồng cây bạch đàn, me tây. Đồng thời khi đó trên phần đất có các cây tự mọc như gáo, cà na; còn bụi tre đã có từ trước, không biết ai trồng. Bà Phạm Thị M thì xác định bà chỉ thấy vợ chồng ông S, bà D trồng cây, không thấy ai khác trồng. Bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn K, cho biết: Bà B và ông K là thân tộc với ông S, ông D1, sinh ra và lớn lên tại đất của ông Lý Văn Lương (ông nội ông S và ông D1). Các ông, bà xác định phần đất có các cây tranh chấp cặp rạch Cây Sây trước 1975 không có bạch đàn, mà có nhiều bụi tre (không biết ai trồng), gáo, cà na, cò ke (tự mọc). Riêng bà B còn cho biết, phần đất này là của Lý Văn D1 mua lại của bà Lý Thị Tròn năm 1990 bằng 02 lượng vàng. Việc mua bán bà có chứng kiến vì khi đó bà còn ở chung trong nhà. Còn việc ai kê khai đứng tên giấy đất thế nào bà không biết.

Tại phiên tòa,

Đại diện theo ủy quyền của ông Lý Văn S và bà Nguyễn Thị D là ông Đặng Thành Đức rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Xác định chỉ kiện yêu cầu được nhận toàn bộ số tiền được bồi thường còn lại hiện do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện An Phú quản lý là 67.500.000 đồng. Theo ông Đức, Toàn bộ số cây được bồi thường là do gia đình ông Lý Văn S và bà Nguyễn Thị D trồng. Có cây trồng trước năm 1975, có cây trồng sau năm 1975 trên phần đất của cha ông tên Lý Văn Ngẫu.

Ông Lý Văn D1 xác định phần đất này là do gia đình ông làm chủ từ năm 1990, việc này cũng đã được ông S thừa nhận ở nhiều biên bản và bản án của Tòa án khi giải quyết tranh chấp. Xác định các bụi tre có từ trước 1975, số cây còn lại là do cha ông tên Lý Văn Tào và anh em ông trồng trên phần đất của gia đình ông. Ông D1 còn cho biết, khi địa phương làm việc thì ông S cũng đã thống nhất cho ông Lý Văn Đũa (em ông D1) nhận tiền phần cây do ông Đũa trồng; phần cây còn lại ông S, bà D thống nhất nhận cây, phần tiền bồi thường ông D1 được nhận, nên khi lập danh sách bồi thường để tên Lý Văn D1. Ông S, bà D đã đốn hạ cây sử dụng, nay lại muốn nhận cả tiền bồi thường nên ông không đồng ý.

Những người làm chứng Phạm Hồng C, Huỳnh Văn D2 xác định họ có biết, thấy ông S trồng Bạch đàn và Me tây (còng), Chuối; Gáo và Tre không biết ai trồng.

Bà Phạm Thị M xác định toàn bộ số cây cặp Rạch Cây Sây là do cha ông S và ông trồng từ trước năm 1975 đến trước khi được bồi thường. Gia đình ông D1 không có trồng cây nào trong số cây được bồi thường.

Bà Nguyễn Thị B cho biết, bà B gọi cụ Lương bằng ông ngoại. Bà B được sinh ra và lớn lên trong nhà cụ Lương. Khi lớn lên bà đã thấy cặp Rạch Cây Sây đã có các bụi Tre, Gáo, Cà na, Me nước, không có bạch đàn. Đất này trước đây do cụ Lương làm chủ, sau khi cụ Lương chết do bà Tròn, bà Xinh làm chủ. Năm 1990 thì bà Tròn bán lại cho Lý Văn D1 bằng 2 lượng vàng. Còn việc cấp giấy đất cho ai bà không biết.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt những người làm chứng là phù hợp Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày các đương sự, những người làm chứng, Bản đồ hiện trạng, Biên bản xem xét thẩm định và các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập, có căn cứ xác định số cây Bạch đàn là do ông S trồng; số cây Gáo là tự mọc; bụi Tre thì đã có từ thời cụ Lý Văn Lương (ông nội của ông S, ông D1). Phần đất cặp rạch cây Sây có các cây được bồi thường chưa được cấp quyền sử dụng đất, hiện do Nhà nước quản lý. Từ trước 1990 thì do cụ Lương, bà Tròn quản lý, sử dụng, từ sau năm 1990 thì do gia đình ông Lý Văn Tào (cha ông D1) quản lý, sử dụng theo hợp đồng chuyển nhượng. Ông Tào đã kê khai và được cấp giấy phần nông nghiệp cặp Rạch Cây Sây. Đề nghị cho ông S, bà D được nhận tiền bồi thường 23 cây Bạch đàn và tiền thưởng; ông D1 được nhận tiền bồi thường 29 cây Gáo và 270 cây Tre theo danh sách do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện An Phú cung cấp. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông S, bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tư cách tham gia tố tụng: Ông Lý Văn S, bà Nguyễn Thị D kiện ông Lý Văn D1, xác định ông , bà D là đồng nguyên đơn; ông D1 là bị đơn. Quá trình giải quyết, các đương sự yêu cầu ghi lời khai những người biết việc trồng cây, nguồn gốc đất, nên đưa các ông, bà Nguyễn Văn Ê, Dương Văn B, Huỳnh Văn D2, Phạm Hồng C, Phạm Thị M, Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn K tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng.

[1.2] Về việc vắng mặt tại phiên tòa: Tại phiên tòa, những người làm chứng Nguyễn Văn Ê, Dương Văn B, Nguyễn Văn K vắng mặt nhưng đều có yêu cầu không tham gia phiên tòa. Do đó tiến hành xét xử vắng mặt những người làm chứng này là đúng quy định tại Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông S, bà D cho rằng số cây mà Nhà nước bồi thường khi thực hiện Công trình Nạo vét mương Rạch Cây Sây là do gia đình ông bà trồng, nên ông bà yêu cầu được nhận tiền bồi thường. Ông D1 xác định số cây trên là do gia đình ông trồng trên đất của gia đình ông nên không đồng ý theo yêu cầu khởi

kiện của ông S, bà D. Xác định quan hệ tranh chấp *"Tranh chấp quyền sở hữu tài sản"*, là tranh chấp dân sự. Số cây được bồi thường tọa lạc ấp Phú Mỹ, xã Phú Hội, huyện An Phú và các đương sự thống nhất yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Phú giải quyết. Căn cứ các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ việc thuộc thẩm quyền giải của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

[1.4] Về phạm vi khởi kiện và yêu cầu giải quyết: Theo đơn khởi kiện thì ông S, bà D yêu cầu được nhận toàn bộ giá trị số cây được bồi thường và tiền khen thưởng là 76.352.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ông S, bà D rút lại một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu được nhận số tiền bồi thường 67.500.000 đồng theo kê tính của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện An Phú. Yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp quy định tại Điều 5; khoản 4 Điều 70; khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận. Như vậy, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (phần 8.852.000 đồng) là phù hợp hướng dẫn tại Mục IV, Điều 7 Công văn 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/04/2017 của Tòa án nhân dân tối cao. Phạm vi giải quyết còn lại là việc ông S, bà D xác định toàn bộ số cây được bồi thường còn lại gồm: 23 cây Bạch đàn, 29 cây Gáo, 270 cây Tre là thuộc quyền sở hữu của ông bà, nên xin được nhận số tiền bồi thường cây và tiền thưởng theo bảng kê tính của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện An Phú.

[2] Về thời hiệu: Trong vụ án này các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về số cây và giá trị từng loại cây: Các đương sự thống nhất theo bảng kê và danh sách bồi thường do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện An Phú lập. Số cây được bồi thường còn lại mà các đương sự tranh chấp, gồm: 23 cây Bạch đàn, 29 cây Gáo, 270 cây Tre có tổng giá trị được bồi thường là 65.500.000 đồng, nên tình tiết này không cần phải chứng minh. Vấn đề cần chứng minh là việc ai là người có quyền sở hữu đối với các cây được bồi thường.

[3.2] Về việc đốn hạ sử dụng các cây: Ông S, bà D thừa nhận gia đình ông, bà đã đốn hạ toàn bộ các cây Gáo, Bạch đàn và một số cây Tre, nên tình tiết này cũng không cần phải chứng minh.

[3.3] Về người quản lý, sử dụng phần đất có cây được bồi thường: Theo thẩm định tại chỗ, thì phần đất có các cây tranh chấp là bờ đất gò chạy cặp Rạch Cây Sây được Trung tâm quan trắc – Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang xác định là đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông S thì cho rằng phần đất này có nguồn gốc của cha ông tên Lý Văn Ngẫu quản lý, sử dụng từ trước năm 1975. Tuy nhiên, ông S, bà D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh phần đất này là của ông Lý Văn Ngẫu.

Căn cứ Biên bản ngày 12/01/2017 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện An Phú về việc giao đất theo Bản án số 23/DS-ST ngày 08/01/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang; chỉnh lý tại trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01258eL, ngày 16/8/1994 mang tên Lý Văn Tào, thì ông Lý Văn S và bà Nguyễn Thị D có nhận chuyển nhượng đất của ông Lý Văn Tào. Đồng thời theo trình bày của bà Nguyễn Thị B; các tài liệu, chứng cứ khác do ông D1 cung cấp, có căn cứ xác định: Phần đất này trước kia do họ tộc cụ Lý Văn Lương (ông nội ông S, ông D1) quản lý sử dụng. Sau khi cụ Lương qua đời do bà Lý Thị Tròn quản lý (bà Tròn không có chồng, con). Từ năm 1994 do gia đình ông Lý Văn Tào (cha ông D1) quản lý sử dụng.

[3.4] Về người trồng cây: Theo trình bày của ông Lý Văn D1 thì toàn bộ số cây theo danh sách ông kê khai là do cha ông tên Lý Văn Tào và anh em ông trồng. Căn cứ Tờ thỏa

thuận ngày 25/7/2019 thì ông Lý Văn S chỉ thừa nhận ông Lý Văn Đũa (em ông D1) có trồng 450 cây Chuối, 5 cây Dừa, 2 cây Bạch đàn, Me nước, 4 cây Gáo và đồng ý cho ông Đũa được nhận số tiền bồi thường và tiền thưởng là 25.632.000 đồng. Số cây còn lại gồm: 23 cây Bạch đàn, 29 cây Gáo, 270 cây Tre thì ông S, bà D cho rằng do cha ông (ông Lý Văn Ngẫu) và gia đình ông trồng từ trước năm 1975 đến sau này.

Theo lời khai của ông S, bà D và những người làm chứng có căn cứ xác định toàn bộ số cây Bạch đàn (23 cây) là do ông S trồng, còn lại 29 cây Gáo, 270 cây Tre là chưa xác định được.

Theo những người làm chứng thì bụi Tre đã có từ trước khi ông S trồng Bạch đàn. Ông S thì cho rằng do cha ông tên Lý Văn Ngẫu trồng, ông D1 thì cho rằng do cha ông Tên Lý Văn Tào trồng. Tuy nhiên, cả ông S và ông D1 đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông Ngẫu hay ông Tào trồng Tre. Quá trình thu thập chứng cứ bằng việc ghi lời khai những người làm chứng xác định được bụi Tre đã có từ trước năm 1975 do gia đình cụ Lý Văn Lương (ông nội ông D1 và ông S) trồng. Về các cây Gáo, những người làm chứng cho rằng các cây Gáo là tự mọc, không do ai trồng. Bản thân ông S, bà D, ông D1 cũng không chứng minh được họ trồng các cây này.

Theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Dân sự: *"Chiếm hữu ngay tình là việc chiếm hữu mà người chiếm hữu có căn cứ để tin rằng mình có quyền đối với tài sản đang chiếm hữu*". Như vậy, khi ông S trồng Bạch đàn vào khoảng năm 1981 - 1982 (trước năm 1990) thì phần đất còn thuộc quản lý, sử dụng chung của gia đình cụ Lý Văn Lương. Ông S là người trong họ tộc (cháu nội cụ Lương) mang cây trồng trên phần đất chung của họ tộc, nên được coi là chiếm hữu ngay tình. Xác định các cây Bạch đàn thuộc quyền sở hữu của ông S, nên ông được khai thác và nhận tiền bồi thường.

Theo lời khai ông D1, bà B và các biên bản làm việc của Ủy ban nhân dân xã Phú Hội, Biên bản ngày 12/01/2017 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện An Phú, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/3/2022 của Tòa án và các tài liệu khác, có căn cứ xác định, phần đất này nằm chung trong phần đất ông D1 mua lại của bà Lý Thị Tròn (con cụ Lý Văn Lương) từ năm 1990 bằng 02 lượng vàng, phần đất ruộng thì ông Lý Văn Tào (cha ông D1) đã đăng ký và được cấp quyền sử dụng số 01258 eL cấp ngày 16/8/1994, diện tích 9.544 m^2 mang tên Lý Văn Tào, phần đất có các cây tranh chấp hiện do ông Đũa (em ông D1) quản lý, khai thác trồng cây như xoài, mít, cà na …

Theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định tại Điều 197 Bộ luật Dân sự thì đất đai được xác định thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.

Theo quy định tại Điều 223 và Điều 224 Bộ luật Dân sự: *Người được giao tài sản thông qua hợp đồng mua bán, tặng cho, trao đổi, cho vay hoặc hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác theo quy định của pháp luật thì có quyền sở hữu tài sản đó. Chủ sở hữu, người sử dụng tài sản có quyền sở hữu đối với hoa lợi, lợi tức theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật, kể từ thời điểm thu được hoa lợi, lợi tức đó.*

Do cả ông S, bà D, ông D1 đều không chứng minh được chính mình trồng, chăm sóc các cây Gáo và bụi Tre. Nhưng theo những người làm chứng thì các cây Gáo là tự mọc, bụi Tre thì đã có từ thời cụ Lý Văn Lương. Phần đất này do gia đình ông D1 quản lý, sử dụng từ sau năm 1990 thông qua giao dịch chuyển nhượng với bà Lý Thị Tròn. Việc chuyển nhượng này được bà B là người sống chung trong gia đình khi đó chứng kiến. Ông S, bà D cũng biết và mua lại 2.500m^2 của ông Lý Văn Tào. Do đó, xác định quyền sở hữu các cây Gáo, bụi Tre thuộc sở hữu của gia đình ông D1. Ông D1 đại diện gia đình đứng kê khai để được bồi thường là có căn cứ.

Tại phiên tòa, ông D1 thừa nhận, trước khi lập danh sách kê khai bồi thường thì ông có trao đổi với ông S "ông S được khai thác cây, ông D1 được nhận tiền bồi thường". Do đó với số cây ông đã khai thác thì ông D1 không có ý kiến. Ông S đã đốn hạ 29 cây Gáo và một số cây Tre. Do đó giải quyết cho ông D1 được nhận tiền bồi thường.

[3.5] Về tiền khen thưởng: Xét ngay khi Nhà nước có chủ trương nạo vét Rạch Cây Sây thì ông S đã chủ động chặt hạ các cây, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện Công trình, nên ông S được nhận số tiền này.

[3.6] Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định, 23 cây Bạch đàn là thuộc quyền sở hữu của ông Lý Văn S và bà Nguyễn Thị D, nên ông S, bà D được khai thác và nhận tiền bồi thường; đồng thời ông S, bà D cũng được nhận tiền khen thưởng. 29 cây Gáo và bụi Tre thuộc quyền sở hữu của gia đình ông Lý Văn D1, nên cho ông D1 đại diện gia đình được nhận tiền bồi thường.

Theo Công văn phúc đáp số: 81/PNNPTNT, ngày 24/12/2019 của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện An phú, thì số cây, tiền bồi thường cụ thể như sau:

- Gáo (LC) từ 40 – 60cm 14 cây x 1.000.000 đồng = 14.000.000 đồng;

- Gáo (LE) từ 10 – 20cm15 cây x 100.000 đồng = 1.500.000 đồng;

- Tre gai lớn (LA) trên 7m 270 cây x 100.000 đồng = 27.000.000 đồng;

- Bạch đàn(LC) từ 40 – 60cm 23 cây x 1.000.000 đồng = 23.000.000 đồng;

- Khen thưởng 2.000.000 đồng

Tổng cộng là 67.500.000 đồng.

Như vậy, phần ông S bà D được nhận 25.000.000 đồng, phần ông D1 được nhận 42.500.000 đồng. Theo Công văn số 18/PNNPTNT ngày 18/02/2022 của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện An Phú, thì số tiền trên hiện do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện An Phú quản lý. Do đó, các đương sự liên hệ Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện An Phú để nhận số tiền được bồi thường nêu trên.

[4] Về chi phí tố tụng:

[4.1] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần, nên bị đơn ông Lý Văn D1 phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông S, bà D đã tạm ứng 600.000 đồng. Do đó ông D1 phải trả lại phần này cho ông S, bà D.

[4.2] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần, nên bị đơn ông Lý Văn D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Đồng nguyên đơn phải chịu án phí phần yêu cầu không được chấp nhận. Do ông S, bà D thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 179, 180, 182, 189, 197, 223, 224 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 217, 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 24; khoản 1, 2 Điều 26; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn S và bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu được nhận tiền bồi thường.

1. Ông Lý Văn S và bà Nguyễn Thị D được nhận tiền bồi thường 23 cây Bạch đàn và tiền thưởng là 25.000.000 *(Hai mươi lăm triệu đồng)* đồng.

2. Ông Lý Văn D1 được nhận tiền bồi thường 29 cây Gáo và 270 cây Tre là 42.500.000 *(Bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn)* đồng.

(Toàn bộ số tiền bồi thường và tiền khen thưởng 67.500.000 đồng do Phòng nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện An Phú chi trả).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn S và bà Nguyễn Thị D. (Đình chỉ phần yêu cầu nhận tiền bồi thường 8.852.000 đồng).

4. Về chi phí tố tụng:

- Về án phí: Ông Lý Văn D1 phải chịu 1.250.000 *(Một triệu hai trăm năm mươi nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm; ông Lý Văn S và bà Nguyễn Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí thẩm định: Ông Lý Văn D1 hoàn trả lại cho ông Lý Văn S, bà Nguyễn Thị D 600.000 *(Sáu trăm nghìn)* đồng chi phí thẩm định tại chỗ.

5. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt ông Đặng Thành Đức (đại diện theo ủy quyền của ông Lý Văn S, bà Nguyễn Thị D) và ông Lý Văn D1. Các đương sự có quyền kháng cáo trong trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/6/2022).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- Phòng NT & PTNT An Phú (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Sáu